

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh;

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981, trú tại: Khu V, thị trấn T, huyện A, Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn S, sinh năm 1971, trú tại: Khu V, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn S xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 10 năm 1998 tại Ủy ban nhân

dân xã T, huyện A. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng nhau tại thôn V, xã T, huyện A, Hải Phòng. Những năm đầu vợ chồng chung sống tình cảm hạnh phúc và có 02 con chung. Đến năm 2011 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không tin tưởng chị, nghi ngờ chị có tình cảm với người đàn ông khác sống không chung thủy với anh S. thực tế chị không có điều gì sai trái với chồng. Chị đã nhiều lần nói chuyện nhưng anh S không hiểu và không có niềm tin đối với chị. Do vậy vợ chồng nhiều lần cãi nhau, sống lạnh nhạt với nhau, dần dần vợ chồng không còn tình cảm. Tuy vợ chồng sống chung một nhà nhưng đã ly thân nhau từ năm 2013. Năm 2016 chị có làm đơn ly hôn anh S, trong quá trình Tòa án giải quyết anh S xin đoàn tụ, chị cũng muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ nên chị đã rút đơn ly hôn. Tuy về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không còn nên không cải thiện được và tiếp tục sống ly thân nhau. Chị xét vợ chồng không còn tình cảm nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện A, Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Văn S.

Về con chung: Chị và anh Ngô Văn S có 02 con chung là Ngô Duy A, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1999 và Ngô Thanh T, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2005. Hiện nay cháu Ngô Duy A đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con Ngô Thanh T và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị tự thỏa thuận với anh S, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh S không nợ ai nên chị không yêu cầu giải quyết.

Lời khai của anh Ngô Văn S thể hiện: Anh nhất trí với lời khai của chị N về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống anh xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn tuy ở chung một nhà nhưng đã sống ly thân nhau 5 năm, vợ chồng không còn quan T đến nhau. Tuy nhiên vợ chồng anh vẫn làm tròn trách nhiệm với các con chung và hai bên gia đình nội ngoại. Anh xét tình cảm vợ chồng không còn, chị N làm đơn ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh nhất trí với lời khai của chị N vợ chồng có 02 con chung là Ngô Duy A, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1999 và Ngô Thanh T, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2005. Hiện nay cháu Ngô Duy A đã trưởng thành. Ly hôn anh nhường chị N nuôi con Ngô Thanh T và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Anh S tự thỏa thuận với chị N, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin ly hôn, bị đơn là anh Ngô Văn S đã được Tòa án thông báo về việc thụ

lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Anh Ngô Văn S không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 19, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Ngô Văn S; về con chung: Chị N và anh S có 02 con chung là Ngô Duy A, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1999 và Ngô Thanh T, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2005. Hiện cháu Ngô Duy A đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng không đặt ra. Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Nguyễn Thị N nuôi con Ngô Thanh T cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Ngô Văn S; về tài sản chung, công nợ: Chị N và anh S không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về Tố tụng:

[1] Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Ngô Văn S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Ngô Văn S.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Văn S xây dựng hạnh phúc với nhau có đăng ký kết hôn được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có sự chia sẻ yêu thương nhau vì mất tin tưởng nhau về mặt tình cảm, anh S nghi ngờ chị N sống không chung thủy nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do vậy nhiều lần xảy ra cãi nhau cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc tuy ở chung một nhà nhưng anh chị đã sống ly thân nhau nhiều năm, vợ chồng không quan T đến nhau. Anh S và chị N đều xác nhận không còn tình cảm vợ chồng. Chị N xin ly hôn anh S, anh S đồng ý ly hôn

[4] Căn cứ vào các lời khai của các đương sự, các tài liệu xác minh tại địa phương và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị N và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh S, anh S đồng ý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị N và anh S có 02 con chung là Ngô Duy A, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1999 và Ngô Thanh T, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2005. Cháu Ngô Duy A đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N đề nghị được nuôi con Ngô Thanh T và không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Cháu Ngô Thanh T trên 7 tuổi có đơn đề nghị được ở với chị N, anh S nhất trí. Xét chị N hiện nay có nhà ở ổn định, có công việc buôn bán thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Ngô Thanh T, căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị Nguyễn Thị N nuôi con Ngô Thanh T là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, công nợ: Chị N và anh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Ngô Văn S.

2. Về con chung: Giao con Ngô Thanh T, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2005 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Ngô Văn S.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002750 ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Ngô Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn